

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ THỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 277/QĐ-UBND

Phú Thịnh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Phú Thịnh
năm 2023 trình HĐND xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2023 trình HĐND xã (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

UBND XÃ PHÚ THỊNH



Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.284.167	TỔNG SỐ CHI	5.284.167
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	31.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	137.000	II. Chi thường xuyên	4.831.645
III. Thu bổ sung	4.829.989	III. Dự phòng, tiết kiệm chi	166.344
- Bổ sung cân đối	4.829.989	IV. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang năm 2023	286.178
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn	286.178		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022		DỰ TOÁN NĂM 2023		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	TỔNG THU	3	4	3	4	3	4
		15.298.214	15.024.081	5.566.167	5.284.167	36,38	35,17
I	Các khoản thu 100%	22.833	22.833	31.000	31.000	135,77	135,77
	Phí, lệ phí	11.333	11.333	15.000	15.000	132,36	132,36
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		0		0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		0		0		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		0		0		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		0		0		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		0		0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0		0		
	Thu khác	11.500	11.500	16.000	16.000	139,13	139,13
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	378.427	104.294	419.000	137.000	110,72	131,36
1	Các khoản thu phân chia	378.427	104.294	419.000	137.000	110,72	131,36
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0		0		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0		0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.800	8.800	10.000	10.000		
	-Thuế ngoài quốc doanh (thuế hộ khoán cố định GTGT)	24.500	24.500	49.000	49.000	200,00	200,00
	- Thuế thu nhập chuyên nhượng BĐS	261.883		260.000	0	99,28	#DIV/0!
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	12.250		22.000	0	179,59	#DIV/0!
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.994	70.994	78.000	78.000	109,87	109,87
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0	0	0	0		
	-		0		0		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		0		0		
IV	Thu chuyên nguồn	283.305	283.305	286.178	286.178	101,01	101,01
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	287.133	287.133		0	0,00	0,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	14.326.516	14.326.516	4.829.989	4.829.989	33,71	33,71
	- Thu bổ sung cân đối	4.585.364	4.585.364	4.829.989	4.829.989	105,33	105,33
	- Thu bổ sung có mục tiêu	9.741.152	9.741.152	0	0	0,00	0,00



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.858.038	0	4.858.038	5.284.167	0	5.284.167	108,77		108,77
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	0		0	0					
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	0		0	0					
3	Chi y tế	56.640		56.640	56.640		56.640	100,00		100,00
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500		31.500	31.500		31.500	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0					
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	22.500		22.500	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0					
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.500		31.500	31.500		31.500	100,00		100,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.329.750		4.329.750	4.629.856		4.629.856	106,93		106,93
10	Chi cho công tác xã hội	56.993		56.993	59.649		59.649	104,66		104,66
11	Chi khác	0		0	0					
12	Dự phòng ngân sách, tiết kiệm chi 10%	157.481		157.481	166.344		166.344	105,63		105,63
13	Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang 2023	171.674		171.674	286.178		286.178			166,70



KẾ HOẠCH THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính ngoài ngân sách						
Quỹ vì người nghèo	7.027.000	4.597.800	2.429.200			
Quỹ tuần cao điểm "tết vì người nghèo"	11.500.000	11.500.000	-			
Quỹ tình nghĩa	7.217.000	9.442.700	(2.225.700)			
Quỹ bảo trợ trẻ em	6.287.000	8.000.000	(1.713.000)			
Quỹ nhân đạo	5.952.000	5.000.000	952.000			
Quỹ khuyến học	9.250.000	10.000.000	(750.000)			
Quỹ người cao tuổi	990.000	1.450.000	(460.000)			
Quỹ phòng chống thiên tai	9.038.000	8.858.000	180.000			
2. Các hoạt động sự nghiệp						

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2022 trình HĐND xã

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa UBND xã Phú Thịnh, Chi cục thuế khu vực Sông Công – Đại Từ, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

UBND xã Phú Thịnh thuyết minh dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2023 trình HĐND cấp xã như sau:

1. Thu ngân sách:

Dự toán thu ngân sách năm 2023: 5.566.167.000 đồng (Ngân sách xã hưởng: 5.284.167.000 đồng) trong đó: thu cân đối ngân sách năm 2023: 450.000.000 đồng (ngân sách xã hưởng: 168.000.000đ), thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.829.989.000 đồng, thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang: 286.178.000 đồng.

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2023		Ghi chú
		Tổng thu NS	NS xã hưởng	
	Tổng thu (I+II+III+IV)	5.566.167	5.284.167	
I	Thu cân đối	450.000	168.000	
1	Thu ngoài quốc doanh	49.000	49.000	
	Thuế GTGT	49.000	49.000	
2	Thuế thu nhập cá nhân	94.000	94.000	
	Thuế TNCN từ chuyển quyền bất động sản	260.000		
	Thuế TNCN từ SXKD	22.000		
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	78.000	78.000	
5	Thu phí lệ phí	25.000	25.000	

	Lệ phí môn bài	10.000	10.000	
	Lệ phí chứng thu	15.000	15.000	
6	Thu khác tại xã	16.000	16.000	
II	Thu trợ cấp	4.829.989	4.829.989	
1	Trợ cấp cân đối	4.829.989	4.829.989	
2	Trợ cấp có mục tiêu	-	-	
III	Thu chuyển nguồn	286.178	286.178	

2. Chi ngân sách.

Năm 2023 là năm thứ hai thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, do vậy định mức chi thường xuyên sẽ thực hiện theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Ngoài ra năm 2023 bổ sung thêm một số chế độ chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành (Kinh phí khoán cho người tham gia công việc của xóm, tổ dân phố; kinh phí toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh; chế độ phụ cấp dân phòng...), hỗ trợ kinh phí may trang phục cho Hội đồng nhân dân và hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính, đề án 06 và chuyển đổi số... và theo kết quả thảo luận ngân sách ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa UBND xã Phú Thịnh, Chi cục thuế khu vực Sông Công – Đại Từ, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Định mức phân bổ cho cán bộ công chức và cán bộ chuyên trách cấp xã là 105 triệu đồng/biên chế/năm bao gồm cả chi khác. Ngoài định mức trên được bổ sung 130 triệu đồng/năm để chi các nội dung đặc thù của xã (đã bao gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động của HĐND cấp xã, kinh phí hỗ trợ công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng).

Định mức phân bổ kinh phí hoạt động các đoàn thể: Mặt trận tổ quốc: 12 triệu đồng/năm. Các đoàn thể còn lại (Đoàn Thanh niên cộng sản HCM, hội Cựu chiến binh, hội Liên hiệp phụ nữ, hội Nông dân): 10 triệu đồng/năm.

Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân: 5 triệu đồng/năm, Ban giám sát đầu tư cộng đồng: 10 triệu đồng/năm.

BCĐ toàn dân đoàn kết XD ĐSCH: 30 triệu đồng/năm. Kinh phí thực hiện ở khu dân cư: 8 triệu đồng/khu dân cư/năm.

Sự nghiệp văn hóa thông tin là: 35 triệu đồng/năm, sự nghiệp thể dục thể thao là: 25 triệu đồng/năm, sự nghiệp kinh tế: 35 triệu đồng/năm. Hỗ trợ hoạt động đảm bảo xã hội 10 triệu đồng/năm. Chi hoạt động quốc phòng an ninh: 75 triệu đồng/năm.

Dự toán chi ngân sách năm 2023: 5.284.167.000 đồng. Trong đó:

-Chi thường xuyên: 4.831.645.000 đồng.

-Tiết kiệm chi 10% tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023: 76.344.000 đ

-Nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang chi cải cách tiền lương năm 2023: 286.178.000 đồng.

-Dự phòng: 90.000.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2023 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	Tổng cộng (A+B+C)	5.284.167.000	
A	Tổng chi ngân sách xã(I+II)	4.831.645.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi đầu tư XDCB		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	4.831.645.000	
<i>1</i>	<i>Chi công tác dân quân TV, ANTT</i>	<i>754.719.596</i>	
	<i>Chi dân quân tự vệ</i>	<i>420.455.596</i>	
	- Chi lương, BH, KPCĐ chỉ huy trưởng	75.103.152	
	- Chi PC, BHXH, BHYT chỉ huy phó	32.720.400	
	- Chi chỉ huy phó (trách nhiệm, phụ cấp đặc thù, thâm niên)	22.966.860	
	- Chính trị viên, chính trị viên phó, chỉ huy trưởng	12.516.000	
	- Trung đội trưởng cơ động (trách nhiệm + đặc thù)	5.364.000	
	- Thôn đội trưởng (PC hàng tháng + trách nhiệm, tổ dân quân tại chỗ)	114.432.000	
	- Tiểu đội trưởng (chức vụ + đặc thù)	8.046.000	
	- Khẩu đội trưởng cối	1.788.000	
	- Chi phụ cấp thâm niên chỉ huy trưởng, chính trị viên phó	9.329.784	
	- Chi huấn luyện	100.689.400	
	- Chi thường xuyên	37.500.000	

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2023 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
A	B	I	2
	Chi an ninh trật tự	334.264.000	
	- Chi PC công an xã bán chuyên trách	207.408.000	
	- Phụ cấp dân phòng	64.356.000	
	- Hỗ trợ công an chính quy	25.000.000	
	- Chi thường xuyên	37.500.000	
2	Sự nghiệp y tế	3.000.000	
3	phụ cấp nhân viên y tế	53.640.000	
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	31.500.000	
5	Sự nghiệp thể dục, thể thao	22.500.000	
6	Sự nghiệp kinh tế	31.500.000	
	Sự nghiệp giao thông	9.000.000	
	SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản	22.500.000	
	Sự nghiệp thị chính	0	
	Thương mại, dịch vụ	0	
	Các sự nghiệp khác	0	
7	Sự nghiệp xã hội	59.648.600	
	Hưu xã và trợ cấp khác	26.844.000	
	BHYT	804.600	
	Khác	10.000.000	
	Chi chúc thọ, mừng thọ	22.000.000	
8	Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể	3.875.136.804	
8.1	Quản lý nhà nước	2.251.261.474	
8.1.1	Hội đồng nhân dân	302.229.200	
	- Chi lương, PC phó CT HĐND	86.181.600	
	- Chi PC đại biểu HĐND	107.280.000	
	- 4,5% BHYT đại biểu	8.046.000	
	- Trang phục đại biểu HĐND	50.000.000	
	- Chi PC ban kinh tế, pháp chế	5.721.600	
	- Chi khác	45.000.000	
8.1.2	Ủy ban nhân dân	1.949.032.274	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	787.444.140	
	- Chi PC, BHXH, BHYT NTM	29.144.400	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Lao động BVTE	30.932.400	
	- Chi PC, BHXH, BHYT thú y	29.144.400	

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2023 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
A	B	I	2
	- Chi PC Trưởng xóm	207.408.000	
	- Người hoạt động ở xóm (10 xóm)	163.000.000	
	- Công tác xã hội tình nguyện	16.092.000	
	- Công tác viên thú y	26.820.000	
	- Chi thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, đề án 06	50.000.000	
	- Tiền điện thấp sáng	60.000.000	
	- Tiền mạng	7.000.000	
	- Hợp đồng xã	35.760.000	
	- Chi khen thưởng	23.000.000	
	- Chi thường xuyên	483.286.934	
8.2	Đảng cộng sản Việt Nam	688.448.600	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	245.224.200	
	- Chi PC, BHXH, BHYT VP Đảng	32.720.400	
	- Chi PC cấp uỷ	75.096.000	
	- Chi hoạt động cấp uỷ (bồi dưỡng phục vụ, hội nghị, kiểm tra, giám sát)	20.000.000	
	- Chi PC BTCB	207.408.000	
	- Chi thường xuyên	108.000.000	
8.3	Mặt trận tổ quốc	385.206.910	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	77.478.510	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó CT MTTQ	32.720.400	
	- Chi PC Trưởng Ban MT	118.008.000	
	- Chi thường xuyên	12.000.000	
	- Chi cụm dân cư (10 xóm x 8tr)	80.000.000	
	- Chi BCĐ KDC	30.000.000	
	- Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đô thị văn minh	20.000.000	
	- Chi thanh tra nhân dân	5.000.000	
	- Chi giám sát cộng đồng	10.000.000	
8.4	Đoàn thanh niên CSHCM	115.304.260	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	76.159.860	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó BT Đoàn	29.144.400	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
8.5	Hội phụ nữ Việt Nam	93.942.130	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	54.797.730	

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2023 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	- Chi PC Phó Hội PN	29.144.400	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
8.6	Hội nông dân Việt Nam	127.092.260	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	76.159.860	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó Hội ND	30.932.400	
	- Chi thường xuyên	20.000.000	Xã bổ sung thêm 10 triệu đại hội
8.7	Hội cựu chiến binh Việt Nam	106.601.170	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	67.456.770	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó Hội CCB	29.144.400	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
8.8	Hội người cao tuổi	21.456.000	
	- Chi phụ cấp chi hội trưởng	21.456.000	
8.9	Hội chữ thập đỏ	21.456.000	
	- Chi phụ cấp chi hội trưởng	21.456.000	
8.10	Hội nạn nhân chất độc da cam	16.092.000	
8.11	Hội Cựu TNXP	16.092.000	
8.12	Hội Khuyến học	16.092.000	
8.13	Hội đồng y	16.092.000	
B	Tiết kiệm chi 10% năm 2023 để cải cách tiền lương	76.344.000	
C	Nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang để chi cải cách tiền lương	286.178.000	
D	Dự phòng	90.000.000	

Trên đây là thuyết minh dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2023 trình HĐND cấp xã./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Tùng